TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100 /2019/KDTM-ST
Ngày: 30/7/2019
V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Việt

2. Ông Đặng Đình Tiến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bế Thị Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Kim Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 86/2018/TLST-KDTM, ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2424/2019/QĐXXST-KDTM, ngày 19 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2738/2019/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH O
Địa chỉ: 244 đường H, phường P, thành phố M, tỉnh B.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1981(Văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 5 năm 2018).
Địa chỉ: 386/17B đường L, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần nội thất V
Địa chỉ: Tầng 2, số 81 đường C, phường B, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Trọng Nghĩa, sinh năm 1984.
Địa chỉ: 606/20/8 Quốc Lộ H, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 5 năm 2018, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Công ty TNHH O có ông Nguyễn Đức D là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, Công ty TNHH O (Sau đây gọi tắt là Công ty O) ký Hợp đồng kinh tế số: 15/HĐKT/2017 về việc cung cấp thiết bị giáo dục cho Công ty Cổ phần Nội thất V (Sau đây gọi tắt là Công ty V) để đơn vị này trang bị thiết bị giáo dục theo danh mục hàng hóa đính kèm Hợp đồng cho trường THCS P tại địa chỉ 83 đường N, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị hợp đồng là: 228.853.000 (Hai trăm hai mươi tám triệu tám trăm năm mươi ba nghìn) đồng:

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, Công ty V đã thanh toán đặt cọc: 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng.

Trong quá trình giao nhận, Công ty O đã giảm giá một số thiết bị so với giá thỏa thuận ban đầu cho Công ty V, giá trị hàng hóa đã giảm giá là: 20.800.000 (Hai mươi triệu tám trăm nghìn) đồng, gồm:

Bàn thí nghiệm giáo viên: 400.000 đồng x 2 cái = 800.000 đồng.

Bàn thí nghiệm học sinh: 400.000 đồng x 50 cái = 20.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng Công ty O cũng đồng ý thu hồi một số thiết bị tổng giá trị: 4.200.000 (Bốn triệu hai trăm nghìn) đồng, gồm:

Tủ thuốc inox: 2.100.000 đồng x 01 cái = 2.100.000 đồng.

Bàn chuẩn bị 18 x 0,9 x 0,75m: 2.100.000 đồng x 1 cái = 2.100.000 đồng.

Số hàng hóa trên đã được bàn giao nghiệm thu và đã được đưa vào sử dụng tại Trường THCS P kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2017.

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2017, Công ty V cũng đã ký xác nhận biên bản thanh lý hợp đồng thiết bị và biên bản quyết toán đối chiếu công nợ với Công ty TNHH Nhật Tân là đơn vị trúng thầu cung ứng trực tiếp cho trường. Căn cứ biên bản thanh lý này, Công ty V xác nhận đã nhận đủ số hàng hóa theo thỏa thuận Hợp đồng kinh tế số: 15/HĐKT/2017 ngày 11 tháng 9 năm 2017 và danh mục hàng hóa Kèm theo Hợp đồng kinh tế Số: 15/HĐKT/2017 V/v Cung cấp Thiết bị giáo dục giữa Công ty O và Công ty V.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, hai bên đã chốt lại khối lượng công việc và đồng ý xác nhận biên bản bàn giao qua email với tổng số tiền thanh toán là: 203.853.000 (Hai trăm lẻ ba triệu tám trăm năm mươi ba nghìn) đồng. Sau đó, Công ty V đã tiến hành việc thanh toán cho Công ty O như sau:

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, Công ty V đã thanh toán lần 2: 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Ngày 15 tháng 02 năm 2018, Công ty V đã thanh toán lần 3: 16.500.000 (Mười sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

Tổng cộng đã thanh toán: 136.500.000 (Một trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng. Số tiền còn lại Công ty V còn nợ Công ty O tính từ ngày 15 tháng 02 năm 2018 là: 67.353.000 (Sáu mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ba nghìn) đồng.

Căn cứ vào hợp đồng đã ký kết giữa Công ty O và Công ty V thì Công ty V đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán tiền hàng.

Công ty O yêu cầu tòa án buộc Công ty V thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại là: 67.353.000 (Sáu mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ba nghìn) đồng.

Công ty V vắng mặt tại các phiên họp đối chiếu chứng cứ và hòa giải, đã được tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không có ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25 tháng 7 năm 2019, đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện, việc thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc tống đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 97, Điều 171, Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đảm bảo nguyên tắc công khai, độc lập, khách quan, trực tiếp, bằng lời nói và đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 12, 14, 15, 237, 239, 250 và 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự và Hội đồng xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tuy nhiên giai đoạn kiểm sát việc lập hồ sơ cũng như giải quyết vụ án còn trễ so với quy định, đề nghị tòa án rút kinh nghiệm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét thấy, căn cứ Hợp đồng kinh tế số: 15/HĐKT/2017 ngày 11 tháng 9 năm 2017 thể hiện nguyên đơn bán cho bị đơn thiết bị giáo dục (theo danh mục hàng hóa đính kèm) tổng giá trị hợp đồng là: 228.853.000 (Hai trăm hai mươi tám triệu tám trăm năm mươi ba nghìn) đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán lần 1: 70.000.000 đồng; lần 2: 50.000.000 đồng; lần 3: 16.500.000 đồng. Tuy nhiên số tiền còn lại bị đơn không thanh toán, căn cứ tài liệu có trong hồ sơ thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn không có biên bản thanh lý hợp đồng cũng như đối chiếu công nợ, quá trình giao hàng cũng không thể hiện các chứng từ mà phía bị đơn mua hàng ký nhận. Phía nguyên đơn đã xuất hai hóa đơn 020 và 021 ngày 04 tháng 10 năm 2017 cũng không có chữ ký của bên mua hàng ký nhận. Như vậy số tiền còn lại của bị đơn không có tài liệu nào chứng minh cho việc nguyên đơn đã bán cho bị đơn do đó yêu cầu của nguyên đơn không có cơ sở xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Công ty O khởi kiện yêu cầu Công ty V trả số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán giữa các bên. Đây là vụ án kinh doanh thương mại do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn - Công ty V có trụ sở chính tại Quận 1 nên căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn và bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25 tháng 7 năm 2019, đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

2.1. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc:

Công ty O đã cung cấp thiết bị giáo dục theo danh mục hàng hóa đính kèm Hợp đồng phục vụ cho việc trang bị trường THCS P tại địa chỉ 83 đường N, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng kinh tế số: 15/HĐKT/2017 ngày 11 tháng 9 năm 2017 và số hàng hóa trên đã được bàn giao nghiệm thu và đã được đưa vào sử dụng tại Trường THCS P kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2017. Thực hiện Hợp đồng nêu trên, Công ty O đã cung cấp thiết bị giáo dục theo đúng thỏa thuận với tổng giá trị xuất bán (đã khấu trừ phần thiết bị giảm giá và thu hồi) là: 203.853.000 (Hai trăm lẻ ba triệu tám trăm năm mươi ba nghìn) đồng.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, Công ty O và Công ty V đã chốt lại khối lượng công việc và đồng ý xác nhận biên bản bàn giao qua email với tổng số tiền thanh toán là: 203.853.000 (Hai trăm lẻ ba triệu tám trăm năm mươi ba nghìn) đồng. Công ty O cũng đã xuất Hóa đơn Giá trị gia tăng số: 0000021, ký hiệu: BD/17P, Mẫu số: 01 GTKT3/001 ngày 04 tháng 10 năm 2017 cho Công ty V đồng thời thực hiện việc khấu trừ phần thiết bị giảm giá và thu hồi. Sau đó, Công ty V đã tiến hành việc thanh toán cho Công ty O như sau:

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, Công ty V đã thanh toán lần 2: 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Ngày 15 tháng 02 năm 2018, Công ty V đã thanh toán lần 3: 16.500.000 (Mười sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

Tổng cộng đã thanh toán: 136.500.000 (Một trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng (bao gồm cả số tiền đặt cọc). Số tiền còn lại Công ty V còn nợ Công ty O tính từ ngày 15 tháng 02 năm 2018 là: 67.353.000 (Sáu mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ba nghìn) đồng.

Như vậy, mặc dù giữa hai bên chưa trực tiếp ký biên bản đối chiếu công nợ nhưng có căn cứ cho thấy nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng theo Hợp đồng, bị đơn đã thực hiện một phần nghĩa vụ thanh toán nhưng chưa thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thanh toán số tiền hàng còn thiếu cho nguyên đơn. Bị đơn cũng đã được tống đạt theo đúng quy định của pháp luật các văn bản tố tụng về việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu là: 67.353.000 (Sáu mươi

bảy triệu ba trăm năm mươi ba nghìn) đồng nhưng vẫn vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án, không nộp bất cứ tài liệu chứng cứ nào, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố nên yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

2.2. Xét việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi do chậm thanh toán:

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán đối với số tiền hàng còn thiếu của bị đơn.

Trường hợp Công ty V chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty O thì kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2019, Công ty V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[3] Xét phương thức và thời gian thanh toán:

Xét mặc dù hai bên đã thực hiện xong hợp đồng và tiến hành đối chiếu công nợ nhưng bị đơn vẫn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 31 tháng 01 năm 2018 và đối chiếu quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty V có trách nhiệm thanh toán cho Công ty O tổng số tiền nợ gốc còn thiếu là : 67.353.000 (Sáu mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ba nghìn) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại: Công ty V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Công ty O không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số:01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH O:

Buộc Công ty cổ phần nội thất V phải thanh toán cho Công ty TNHH O số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số: 15/HĐKT/2017 ngày 11 tháng 9 năm 2017 là : 67.353.000 (Sáu mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ba nghìn) đồng

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH O không tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Công ty cổ phần nội thất V chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH O thì kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2019, Công ty cổ phần nội thất V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí kinh doanh thương mại:

Công ty cổ phần nội thất V phải chịu án phí là: 3.367.650 (Ba triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi) đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0023190 ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự nhận hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Diệu Linh